TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ- ST
Ngày 28/7/2025
"*V/v: Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung

Ông Nguyễn Tiến Chỉnh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Huấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số:106/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1970 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Q, xã BĐ, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Q, xã BĐ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn cùng các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Trần Thị Nh trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L kết hôn với nhau năm 1988, trước khi kết hôn bà và ông L được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn bà và ông L về ở với nhau tại Thôn Q, xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang nay là Thôn Q, xã BĐ, tỉnh Bắc Ninh. Bà và ông L chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L thường xuyên chơi bời cờ bạc, nợ nần triền miên nhiều năm. Đến năm 2004 bà đi lao động ở Đài Loan, ông L ở nhà vẫn chơi bời, không chịu lao động. Từ năm 2009 đến nay ông L bỏ vào miền Nam ở với người khác, đến đầu năm 2025 ông L bị bệnh nhồi máu cơ tim và trở về gia đình. Sau đó bà và các con đưa ông L đi mổ và điều trị, nay ông L lại bỏ vợ con vào miền Nam chung sống với người khác. Bà và ông L ly thân nhau từ năm 2009 đến nay. Thời gian dài hai vợ chồng ở xa nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự trao đổi và thống nhất về kinh tế và tình cảm. Nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông L, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà xác định bà và ông L có hai con chung tên là Nguyễn Văn D, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn L, sinh năm 1995. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là ông Nguyễn Văn L được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Nh. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Nguyễn Văn L vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải được, cũng như nghe ý kiến của ông L về yêu cầu ly hôn của bà Nh.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phía các đương sự nguyên đơn bà Nh chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa bà Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Phía bị đơn ông Nguyễn Văn L chưa chấp hành nghiêm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản

5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ/HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Nh được ly hôn ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Nhung và ông L không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Nhung và ông L không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tiến hành tố tụng đảm bảo tuân theo đúng quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Thẩm phán, Thư ký. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa bà Trần Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông L là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Q, xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang nay là Thôn Q, xã BĐ, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh) thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Trần Thị Nh có đơn xin ly hôn ông Nguyễn Văn L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn".

[4]. Về nội dung:

[4.1].Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Nh và ông Nguyễn Văn L kết hôn năm 1988, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Đài, huyện LN, tỉnh Bắc Giang nay là xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống bà Nh xác nhận trong quan hệ hôn nhân vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cũng thể hiện ông L đi làm ăn xa lâu lâu mới về nhà một lần.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông L đã biết được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông L không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Nh, như vậy có thể thấy ông L không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với bà Nh.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nh và ông L trong thời gian chung sống vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ với nhau, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nh và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Thị Nh và ông Nguyễn Văn L được ly hôn.

[4.2] Về con chung: Bà Trần Thị Nh và ông Nguyễn Văn L có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn Long, sinh năm 1995. Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành, ông bà không đề nghị gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nh không yêu cầu Toà án giải quyết, ông L không đưa ra yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: bà Trần Thị Nh là nguyên đơn không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà Nh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Nh và ông Nguyễn Văn L được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004728 ngày 08/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận bà Trần Thị Nh đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành ản, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành ản theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã BĐ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Thị Hải Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Thị Hải Minh